TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2025/DS-PT
Ngày: 20 - 5 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu

*Các Thẩm phán***:** Bà Đỗ Thị Nhung

Bà Trương Thị Thảo

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Diệm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Bà Trần Thị Thu Sương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 397/2024/TLPT-DS ngày 20/12/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2025/QĐ-PT ngày 21/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 313/2025/QĐ-PT ngày 21/4/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Quang T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Căn hộ A, Chung cư P, số E - E V, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng ủy quyền ngày 16/5/2025)

- *Bị đơn*: Bà Trương Tú A, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu H, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Huy V, sinh năm 1986

Đăng ký thường trú: 12/08/22 Đ, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 15 Đường A, M, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu H, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trung K: Ông Nguyễn Huy V, sinh năm 1986.

Đăng ký thường trú: 12/08/22 Đường H, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 15 Đường A, M, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lưu Kỳ Đức N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp N, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Phạm Thị Ngọc H1, sinh năm 1994.

Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: E, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Bà Trương Tú A.

(Ông H, ông T, ông V, ông N và bà H1 có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Ngô Văn H và người đại diện của ông H là bà Nguyễn Thị N1 thống nhất trình bày:

Ông Ngô Văn H và ông Lưu Kỳ Đ Nghĩa là bạn đồng nghiệp. Ông N có mối quan hệ quen biết với bà Trương Tú A. Giữa năm 2019, ông N nói với ông H có tiền thì cho bà Tú A vay để bà Tú A đáo hạn ngân hàng, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng B1, sau đó sẽ vay tại Ngân hàng N2 tại Bình Thuận để trả lại cho ông H. Thời hạn thanh toán là một đến hai ngày nên ông H đã đồng ý. Ngày 03/5/2019, ông H đã chuyển vào tài khoản số 0417041000956 của bà Trương Tú A tại Ngân hàng B1 với số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho bà Tú A vay với nội dung chuyển khoản "Hoàn cho bà Tú A mượn".

Sau khi vay tiền thì bà Tú A có đi đáo hạn ngân hàng để vay tiền nhưng sau đó bà Tú A không trả cho ông H, ông H yêu cầu bà Trương Tú A và ông Nguyễn

Trung K trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 601.961.849 đồng, cụ thể:

- Lãi trong hạn từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/12/2019 với mức lãi suất là 10%/năm, cụ thể: 1.000.000.000 đồng x 10%/365 ngày x 61 ngày = 16.712.329 đồng.

- Lãi quá hạn từ ngày 11/12/2019 đến ngày 06/11/2023 với mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn, cụ thể: 1.000.000.000 đồng x 15%/365 ngày x 1.423 ngày = 584.794.520 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Tú A và ông K phải trả là 1.601.506.849 đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ một triệu năm trăm lẻ sáu ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng).

- Tại các bản tự khai, biên bản lời khai và quá trình làm việc, bị đơn bà Trương Tú A do ông Nguyễn Huy V làm đại diện trình bày:

Bà Tú A có nhận tiền thông qua tài khoản số 0417041000956 của mình tại Ngân hàng B1 với số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) do ông Ngô Văn H chuyển nhưng bà Tú A không có bất kỳ một thỏa thuận vay tiền nào với ông H. Nguyên nhân ông H chuyển tiền vào tài khoản của bà Tú A vì:

Trước đây, bà Tú A và ông Lưu Kỳ Đức N cùng ông Nguyễn Thanh B có mối quan hệ quen biết. Ông Bình thường vay vốn của bà Tú A để làm ăn. Ngày 25/2/2019, ông B có vay của bà Tú A số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) có viết giấy mượn nợ.

Ngày 28/2/2019, ông B tiếp tục vay của bà Tú A số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), ông Nguyễn Trung K (chồng của bà Tú A) có chuyển khoản số tiền trên với nội dung trên Giấy nộp tiền ghi "Tú A chuyển cho ông B mượn". Tổng số nợ ông B thiếu là 4.700.000.000 đồng (bốn tỷ bảy trăm triệu đồng). Sau đó, bà Tú A liên tục yêu cầu ông B trả nợ nhưng ông B không còn khả năng thanh toán nên ba mẹ ông B đứng ra trả thay.

Ngày 25/4/2019, ba mẹ ông B trả số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), ba mẹ ông B đã nài nỉ đề nghị bà Tú A ghi đã nhận đủ số tiền nợ tại giấy nhận nợ ngày 25/2/2019, số tiền nợ còn lại ông B cam kết sẽ vay mượn người khác để thanh toán. Tuy nhiên sau đó ông B vẫn tiếp tục không thực hiện đúng cam kết. Sau nhiều lần gây sức ép buộc ông B thanh toán số nợ còn lại là 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) thì nhân viên của ông B tại Ngân hàng B1 là Lưu Kỳ Đức N đã tìm cách giúp ông B bằng cách nhờ đồng nghiệp là ông Ngô Văn Hoàn T1 nợ thay. Lúc này bà Tú A không hề biết ông Ngô Văn H là ai mà chỉ biết là ông N nói trước mắt sẽ giúp ông B trả trước 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Ngày 03/5/2019, bà Tú A được ông N cho biết sẽ có người trả thay ông B số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó bà nhận được số tiền này thông qua hình thức

chuyển khoản. Bà Tú A và ông Ngô Văn H không hề tồn tại bất cứ văn bản, giấy tờ nào chứng minh giữa hai người có giao dịch vay mượn, mà thực chất số tiền này là ông B trả nợ cho bà Tú A.

Bà Tú A không vay tiền của ông H, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ số tiền trên nên bà Tú A không đồng ý thanh toán cho ông H số tiền gốc và lãi theo đơn khởi kiện của ông H.

Khi bà nhận được số tiền trên do ông H chuyển khoản thì bà Tú A không nói cho ông Nguyễn Trung K (là chồng) biết. Bà Tú A dùng số tiền nhận từ ông H vào mục đích cá nhân.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Nguyễn Trung K do ông Nguyễn Huy V làm đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Trung K là chồng của bà Tú A nhưng quá trình bà Tú A làm ăn liên quan tới ông B, ông H và ông N thì ông K không biết, đến khi làm việc tại Tòa án thì ông K mới biết ông H chuyển khoản cho bà Tú A tiền và khởi kiện đòi lại số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Ông K không đồng ý cùng bà Tú A liên đới thanh toán số tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, số tiền ông H chuyển khoản cho bà Tú A là tiền ông B trả nợ cho bà Tú A, không phải là tiền vay.

2. Ông Lưu Kỳ Đức N trình bày:

Ngày 02/05/2019, bà Phạm Thị Ngọc H1 có nhờ ông Lưu Kỳ Đức N tìm người đáo hạn nợ ngân hàng cho bà Trương Tú A với số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Vì bà Trương Tú A là khách hàng thân thiết của ngân hàng B1, còn bà H1 là vợ của ông Nguyễn Thanh B - Trưởng phòng (tại thời điểm ông N còn đang công tác tại ngân hàng B1), nên khi bà H1 nhờ thì ông N đã đồng ý và giới thiệu ông Ngô Văn H cho bà Trương Tú A vay số tiền trên. Mục đích là bà Tú A đáo nợ ngân hàng: Tất toán khoản vay tại của bà Trương Tú A tại Ngân hàng B1 - Phòng G, lấy sổ đỏ ra và đi vay thế chấp ở Ngân hàng A1.

Thời điểm này, ông N và ông H là đồng nghiệp, cũng chơi thân với nhau nên ông H đã đồng ý cho bà Trương Tú A vay số tiền trên theo lời giới thiệu của ông N. Sau đó, ngày 03/05/2019, ông H đã đến Ngân hàng B1 – Phòng G1 để ủy nhiệm chi vào tài khoản của bà Trương Tú A số tiền 1.000.000.000 đồng với nội dung "H cho Bà Tú A mượn".

Bà Trương Tú A hẹn sẽ trả lại tiền trong ngày nếu A1 kịp làm xong thủ tục vay vốn, giải ngân cho bà Trương Tú A hoặc chậm hơn là ngày kế tiếp (04/05/2019). Nhưng sau đó, bà Trương Tú A đã tìm mọi lý do để trốn tránh và không trả lại số tiền trên cho ông H.

Ông N khẳng định việc vay mượn số tiền 1.000.000.000 đồng là giữa bà Trương Tú A và ông Ngô Văn H, ông N chỉ là người giới thiệu chứ không liên quan gì đến số tiền trên.

Nay ông H khởi kiện, ông đề nghị Tòa án buộc bà Trương Tú A, ông Nguyễn Trung K (người liên quan) trả số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông H. Trong vụ án này, ông N không yêu cầu độc lập, không tranh chấp gì.

3. Ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Trước đây ông là trưởng phòng G - Ngân hàng TMCP B1 (Ngân hàng B1) và là chồng của bà Phạm Thị Ngọc H1; Ông và ông H làm chung cùng hệ thống Ngân hàng B1. Bà Tú A là khách hàng vay của ngân hàng (thời điểm hiện tại bà Tú A đang có 02 khoản vay tại ngân hàng này); bà Tú A cũng nhiều lần cho ông vay tiền để làm ăn, ông cũng đã thanh toán đầy đủ cho bà Tú A. Cuối tháng 02/2019, ông làm ăn thất bại, lúc này do ông đang nợ bà Tú A nên ông đã nhờ cha mẹ ông bán đất để trả nợ. Ngày 25/4/2019, tại nhà ông B, cha mẹ ông đã trả nợ cho bà Tú A đầy đủ; sự việc hai bên có làm giấy xác nhận. Từ ngày 25/4/2019 thì ông không còn nợ bà Tú A nữa.

Tuy nhiên, do thấy ông gặp khó khăn về kinh tế nên bà Tú A đã nói với ông B tìm chỗ đáo hạn 02 khoản vay tại Ngân hàng B1 để bà Tú A rút hồ sơ ra, vay tại Ngân hàng N2 - Chi nhánh B2 với số tiền lớn hơn. Đồng thời, khi vay được thì bà Tú A sẽ cho ông B vay 2.000.000.000 đồng trong vòng 01 năm, ông B chỉ phải trả lãi cho ngân hàng N2 đối với số tiền 2.000.000.000 đồng mà không phải trả lãi cho bà Tú A.

Lúc này ông B nói với bà Tú A do thời điểm này ông B đang bị ngân hàng cho nghỉ việc nên không ai làm đáo hạn cho bà Tú A đâu, thì bà Tú A đã liên hệ với ông N (nhân viên cũ của ông B - ông không nhờ N) để nhờ kiếm số tiền 1.000.000.000 đồng, cho đủ số tiền bà Tú A cần phải trả để rút 02 hồ sơ từ Ngân hàng B1 ra và đưa đến ngân hàng N2 để vay vốn. Từ lúc này trở đi thì mọi việc đều do ông N, bà Tú A và ông H tự thực hiện; ông B không nhờ ông Hoàn trả nợ thay, cũng không can thiệp hay tác động gì đối với ông H. Giữa ông và ông H cũng không có thực hiện giao dịch hay thỏa thuận gì với nhau liên quan đến số tiền ông H cho bà Tú A vay mượn.

4. Bà Phạm Thị Ngọc H1 trình bày:

Vào cuối tháng 02/2019, bà Tú A có cho ông B (chồng bà H1) mượn 2.000.000.000 đồng. Ngày 25/4/2019, cha ông B (Nguyễn Văn H2) đã trả thay ông B số tiền 2.000.000.000 đồng nêu trên cho bà Tú A (có chữ ký và xác nhận đủ tiền của bà Tú A). Cũng trong thời gian này bà Tú A muốn rút toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng B1 - Phòng G (gồm 02 khoản vay: 01 khoản vay đến hạn, 01 khoản vay chưa đến hạn) để về A1 vay, nên bà Tú A nhờ bà H1 tìm thêm 1.000.000.000 đồng để bà Tú A tất toán khoản vay tại Ngân hàng B1. Ngày 02/5/2019, bà H1 nhắn tin cho ông N để tìm người nào chịu làm đáo hạn cho bà Tú A, chiều cùng ngày, ông N báo lại có ông H có để làm. Ngày 03/5/2019, ông

H chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của bà Tú A tại Ngân hàng B1 với nội dung "H cho bà Tú A mượn".

Sau khi tất toán khoản vay tại Ngân hàng B1, bà Tú A đến A1 để vay nhưng không vay được. Ông B, ông N cùng bà H1 đến gặp bà Tú A để hỏi sự việc vay vốn mới ra sao, trường hợp không vay được thì ông B sẽ nhờ bạn làm lại bộ hồ sơ mới cho bà Tú A vay tiền tại Ngân hàng B1. Lúc này, bà Tú A nhắc đến tiền lãi đối với khoản vay trước đó giữa ông B và bà Tú A thì ông B có nói sau khi đi làm sẽ trả lãi cho bà Tú A, đối với số tiền của ông H thì bà Tú A trả lại cho ông H, vì tiền này là của ông H. Bà Tú A đồng ý theo đề nghị của ông B, tuy nhiên, sau đó bà Tú A không gửi hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng B1, mà lại muốn cấn trừ số tiền 1.000.000.000 đồng của ông H sang số tiền lãi ông B đang nợ của bà Tú A (bà Tú A tính lãi đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng đã trả trước đó của ông B là 0,7%/ngày (21%/tháng), số tiền phải trả là 840.000.000 đồng - tính tròn 60 ngày). Việc ông H cho bà Tú A vay số tiền 1.000.000.000 đồng là đúng sự thật.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông Ngô Văn H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc, cụ thể: yêu cầu bà Trương Tú A và ông Nguyễn Trung K liên đới trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng; đối với số tiền lãi, ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: ông H yêu cầu tính lãi chậm trả với mức 10%/năm, tạm tính từ ngày 10/10/2019 đến ngày 18/9/2024 số tiền là 494.246.575 đồng và lãi suất chậm trả phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tổng số tiền ông H yêu cầu bà Trương Tú A và ông Nguyễn Trung K liên đới trách nhiệm trả là 1.494.246.575 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn H.

Buộc chị Trương Tú A và anh Nguyễn Trung K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Văn H số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng),

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 64/2021/DS-PT ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bà Trương Tú A, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung, án phí và chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc giải quyết lại vụ án.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 184, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 468, 357, 429 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn H.

Buộc bà Trương Tú A và ông Nguyễn Trung K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Văn H số tiền 1.494.246.575 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), lãi chậm trả tính từ ngày 10/10/2019 đến ngày 18/9/2024 là 494.246.575 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 268/2024/QĐ-SCBSQĐ ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc về số bản án.

Ngày 25/10/2024, bị đơn bà Trương Tú A có đơn kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất giải quyết vụ án: Kháng cáo của bà Trương Tú A trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

Theo Phiếu ủy nhiệm chi ngày 03/5/2019, thể hiện ông H đã chuyển khoản vào tài khoản số 0417041000956 của bà Trương Tú A tại Ngân hàng B1 với số tiền 1.000.000.000 đồng cho bà Tú A với nội dung chuyển khoản "Hoàn cho bà Tú A mượn".

Bị đơn bà Tú A thừa nhận có nhận số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản ngày 03/5/2019 nhưng bà không thừa nhận tiền bà vay của ông H. Bà cho rằng trước đó, ông B có vay của bà 2.700.000.000 đồng nên ông B ủy quyền cho ông H (nhân viên của ông B thời điểm tháng 5/2019) chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của bà để trả nợ cho ông B.

Bà Tú A còn cung cấp file ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại ngày 14/6/2019 giữa ông K với ông H, có nội dung thể hiện ông H nhắc đến sự việc trước đó ông H được ông B nhờ trả nợ giúp, ông H đồng ý nên mới gửi tiền vào tài khoản bà Tú A thay cho ông B, sau này ông B không chịu trả ông H mới có những lời lẽ bức xúc như trên.

Nội dung hội thoại giữa ông B và bà Tú A tính với nhau tiền lãi về khoản vay của ông B, bà Tú A muốn cấn trừ số tiền ông H chuyển khoản qua số tiền ông B còn nợ bà là 840.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông B không đồng ý, không có mặt

của ông H, việc cấn trừ nợ không được sự đồng ý của ông H cũng như việc ông B, bà H1 và ông N cũng không thể hiện có sự thỏa thuận trước đó với ông H.

Về lãi suất, Tòa cấp sơ thẩm xem xét theo quy định, chấp nhân theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Tú A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Tú A kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự đúng quy định.

[3] Về nội dung: Ông Ngô Văn H yêu cầu bà Trương Tú A và ông Nguyễn Trung K phải trả tổng số tiền 1.601.506.849 đồng (trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, lãi suất 601.961.849 đồng).

Bà Trương Tú A không thừa nhận vay tiền của ông H, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nên bà không đồng ý thanh toán cho ông H số tiền gốc và lãi theo đơn khởi kiện của ông H.

[3.1] Tại Phiếu ủy nhiệm chi ngày 03/5/2019 thể hiện ông H đã chuyển khoản vào tài khoản số 0417041000956 của bà Trương Tú A tại Ngân hàng B1 với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) cho bà Tú A với nội dung chuyển khoản "Hoàn cho bà Tú A mượn" (BL 10).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tú A thừa nhận có nhận số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản ngày 03/5/2019 nhưng đây không phải là tiền bà vay của ông H. Trước đó, ông B có vay của bà 2.700.000.000 đồng nên ông B ủy quyền cho ông H (nhân viên của ông B thời điểm tháng 5/2019) chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của bà để trả nợ cho ông B.

Ngoài trình bày, bà Tú A còn cung cấp file ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại từ lúc 14 giờ 15 phút tới lúc 14 giờ 22 phút ngày 14/6/2019 giữa ông K với ông H, có nội dung thể hiện ông H nhắc đến sự việc trước đó ông H được ông B nhờ trả nợ giúp, ông H đồng ý nên mới gửi tiền vào tài khoản bà Tú A thay cho ông B, sau này ông B không chịu trả ông H mới có những lời lẽ bức xúc như trên (BL 218-221).

Trình bày của bà Tú A không được ông Ngô Văn H và ông Nguyễn Thanh B thừa nhận, ông B xác định ông không có ủy quyền cho ông H chuyển khoản trả tiền vay của bà Tú A vì đối với khoản tiền 2.700.000.000 đồng ông vay của bà Tú

A vào ngày 25/02/2019 thì đến ngày 25/4/2019 ông đã trả hết cho bà Tú A và bà Tú A đã ký nhận số tiền trả nợ từ ông B vào ngày 25/4/2019 (BL 41). Trường hợp, khoản vay của ông B với bà Tú A nếu có tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Bà Tú A cũng thừa nhận khi nhận được số tiền vào tài khoản và có tin nhắn báo nội dung chuyển tiền nhưng không có ý kiến phản hồi.

Quá trình giải quyết vụ án, ông B, bà H1, ông N cung cấp nhiều tin nhắn qua zalo và những cuộc ghi âm thể hiện cuộc nói chuyện giữa các đương sự với nhau về việc vay nợ giữa ông B và bà Tú A, việc bà Tú A muốn cấn trừ nợ từ ông B qua ông H. Qua làm việc, ông N trình bày các hình ảnh tin nhắn zalo do ông N nộp trong giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm trước đây không còn được lưu giữ do điện thoại bị hư hỏng nên không có để nộp cho Tòa án theo quy định pháp luật.

Đối với file ghi âm do bà H1 giao nộp, bị đơn yêu cầu Trưng cầu giám định giọng nói vì lý do có thêm giọng nữ. Quá trình làm việc, bà H1 thừa nhận giọng người phụ nữ trong file ghi âm còn lại là của mình, đồng thời, bà H1 cũng nộp bản Vi bằng số 634/2023/VB-TPL ngày 15/11/2023 của Văn phòng Thừa phát lại quận B thể hiện nội dung hội thoại giữa ông B, bà H1, ông K, bà Tú A và ông N. Đoạn ghi âm được thực hiện vào ngày 15/5/2019, sau ngày ông H chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng cho bà Tú A.

Cuộc hội thoại giữa ông B và bà Tú A tính với nhau tiền lãi về khoản vay của ông B, bà Tú A muốn cấn trừ số tiền ông H chuyển khoản qua số tiền ông B còn nợ bà là 840.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông B không đồng ý, đoạn hội thoại này không có mặt của ông H, việc cấn trừ nợ không được sự đồng ý của ông H cũng như việc ông B, bà H1 và ông N cũng không thể hiện có sự thỏa thuận trước đó với ông H.

[3.2] Về lãi suất, theo trình bày của ông H, việc cho vay không thỏa thuận lãi suất, thời hạn chỉ thỏa thuận miệng là 1 đến 3 ngày, bà Tú A không thừa nhận có việc vay nên không đề cập lãi suất và thời hạn trả nợ. Ông H chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 10/10/2019 (ngày nộp đơn khởi kiện) cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm.

[3.3] Trình bày của ông Nguyễn Trung K, số tiền 1.000.000.000 đồng ông H chuyển vào tài khoản của bà Tú A vợ ông là giao dịch dân sự riêng giữa ông H và bà Tú A, ông không đồng ý liên đới thanh toán. Ông K không chứng minh được bà Tú A thực hiện giao dịch là nợ riêng, nên được xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tú A và đại diện theo ủy quyền của bị đơn không còn tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp nên không có cơ sở để xem xét kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Tú A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Tú A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468, 357 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Ngô Văn H.

Buộc bà Trương Tú A và ông Nguyễn Trung K có nghĩa vụ liên đới phải trả cho ông Ngô Văn H số tiền 1.494.246.575 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) (nợ gốc 1.000.000.000 đồng, lãi chậm trả 494.246.575 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Trương Tú A và ông Nguyễn Trung K phải chịu 56.827.397 đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Tú A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà Tú A nộp tại biên lai số 0026270 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được tính trừ án phí phúc thẩm bà Tú A phải chịu.

Hoàn trả cho ông Ngô Văn H số tiền 22.305.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai số 0003305 ngày 11/10/2019 và số tiền 9.109.000 đồng (Chín triệu một trăm lẻ chín nghìn đồng) theo biên lai số 0006463 ngày 27/4/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Long Châu